

Số: 1474/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 20 tháng 9 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Mường Tè**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020; số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021; số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023; số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 về chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 692/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Mường Tè; số 2989/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Mường Tè;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2469/TTr-STNMT ngày 15/9/2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Mường Tè và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Mường Tè đối với 04 công trình, dự án, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tăng về số lượng đối với 01 công trình, dự án.
2. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích đối với 02 công trình, dự án.
3. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích đối với 01 công trình, dự án.

*(Có biểu chi tiết vị trí, địa điểm, diện tích của từng công trình, dự án kèm theo)*

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè

a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà đầu tư về trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế *(nếu có)* và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.

b) Tham mưu thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

4. Chủ đầu tư các công trình, dự án có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mường Tè và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- V1, V3, CB;
- Lưu: VT, Kt4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Hà Trọng Hải**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH VỀ QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ SỐ LƯỢNG TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 CỦA HUYỆN MUỜNG TÈ VÀ CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN MUỜNG TÈ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Điều chỉnh tăng về số lượng dự án, công trình</b>								
1	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng đường dây 0,4kV cho các TBA khu vực huyện Mường Tè năm 2023	Các xã: Can Hồ, Bum Nưa, Thu Lũm	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,06; đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,04 ha.			0,1	Đất công trình năng lượng (DNL)	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh.	
<b>II</b>	<b>Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích</b>								
1	Kè bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè, tỉnh Lai Châu (tuyến kè Mường Tè)	Thị trấn Mường Tè	Đất ở đô thị (ODT) 0,15 ha; Đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,4 ha; Đất mặt nước chuyên dùng (MNC) 21,7 ha; Đất trồng cây hàng năm khác (NHK) 5,28 ha; Đất giao thông (DGT) 0,16 ha; Đất chưa sử dụng (DCS) 0,65 ha; Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,05 ha; Đất thủy lợi (DTL) 0,001 ha; Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,41 ha.	8,93	Đất thủy lợi (DTL)	28,8	Đất thủy lợi (DTL)	Nghị quyết: số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021, số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh phạm vi, quy mô xây dựng tuyến kè, các hạng mục phụ trợ thi công với mục tiêu tạo quỹ đất để phát triển kinh tế, xã hội
2	Sắp xếp ổn định các điểm dân cư: Mò Lò, Sa Thàng xã Mù Cả; điểm Nậm Kha Á, Pả Khà, U Na 1-2, Tia Ma Mù, Pa Tét xã Tà Tổng, huyện Mường Tè	Các xã: Tà Tổng, Mù Cả	Đất trồng lúa khác(LUK) 1,81; Đất trồng cây hàng năm khác (NHK) 6,9; Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 1,05 ha; Đất rừng phòng hộ (RPH) 0,8 ha; Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,35 ha; Đất ở tại nông thôn (ONT) 2,24 ha; Đất giao thông (DGT) 11,3 ha; Đất sông suối (SON) 0,06 ha; Đất giáo dục (DGD) 0,14 ha; Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 10,69 ha.	33,32	Đất ở tại nông thôn (ONT)	35,34	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Nghị quyết số 52/ NQ-HĐND 13/12/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh phạm vi, quy mô tăng diện tích do xây dựng mới điểm dân cư A Mé và mở rộng hoàn thiện 1,2 km đường giao thông

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>III Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích</b>									
1	Cấp điện nông thôn đến các bản, các xã Tà Tông (A Mé); Pa Vệ Sù (Chà Gá, Sín Chải C); Mù Cà (Mò Su); Tá Bạ (Là Si, Vạ Pù), huyện Mường Tè	Các xã: Tà Tông, Pa Vệ Sù, Mù Cà, Tá Bạ	Đất trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,15; Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,04; Đất nuôi trồng thủy sản (TSN) 0,01; Đất ở nông thôn (ONT) 0,1; Đất rừng sản xuất (RSX) 0,014; Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,02; Đất giao thông 0,05.	7,4	Đất công trình năng lượng (DNL)	0,39	Đất công trình năng lượng (DNL)	- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô giảm diện tích thực hiện dự án do không thu hồi diện tích đất hành lang đường dây truyền tải điện